

Số: 661/2020/QĐST-HNGĐ

T, ngày 23 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 563/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Phạm Thị Thu T1, sinh năm 1988;

Thường trú: 197/12 đường C, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: 77/8 Đường S, Phường M1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 197/12 đường C, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2012, quyền số I/P15 ngày 07/03/2012 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu T1 và ông Nguyễn Thanh P là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống thì xảy ra bất đồng về quan điểm, không hòa thuận, không còn tình cảm. Nay, ông bà nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 11/12/2013. Ly hôn, hai bên thỏa thuận bà T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01/2022.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị Thu T1 và ông Nguyễn Thanh P cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T1 và ông Nguyễn Thanh P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 11/12/2013. Bà T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị Thu T1 đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thanh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và P thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Nguyễn Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà Phạm Thị Thu T1 và ông Nguyễn Thanh P chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0030616 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND Phường M, Q. T;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Sâm